TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN PHÚ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 529/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 7 - 2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Quang Cảnh
2. Bà Phạm Thị Nhung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 244/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989
Địa chỉ: Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh – Có mặt.
Bị đơn: Ông Vòng Chí T, sinh năm 1976
Địa chỉ: Phường P, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Vòng Chí T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 93 ngày 28/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, ông T hay vô cớ gây gổ, lăng mạ, xúc phạm bà, bà và ông T sống ly thân từ tháng 04/2018 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông Vòng Chí T có 01 con chung tên Vòng Mỹ K, sinh ngày 11/6/2013, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

- Bị đơn ông Vòng Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên ý kiến trình bày như trên.

- Bị đơn ông Vòng Chí T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân thủ theo qui định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ bản tự khai của bà H cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân giữa bà H và ông T không còn hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tôn trọng nhau, đã sống ly thân từ tháng 4/2018, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có một con chung tên Vòng Mỹ K, sinh ngày 11/6/2013, khi ly hôn, bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 28/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Vòng Chí T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Vòng Chí Th cư trú tại quận Tân Phú. Toà án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Ông Vòng Chí T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên

tòa theo quy định tại Điều 177, 208, 209, 210 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Vòng Chí T

Theo lời trình bày của bà H, quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không còn tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau, ông T hay vô cớ gây gổ, lăng mạ, xúc phạm bà, bà và ông T sống ly thân từ tháng 04/2018 đến nay. Tòa án đã triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện ông T không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Bà H xác định có 01 con chung tên Vòng Mỹ K, sinh ngày 11/6/2013, khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, hơn nữa nguyện vọng của trẻ Vòng Mỹ K là muốn sống với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H, giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng : Do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung:* Bà H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vòng Chí T. Quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Vòng Chí T (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93 ngày 28/4/2012 của Ủy ban nhân dân phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Vòng Mỹ K, sinh ngày 11/6/2013 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông T cho đến khi bà H có yêu cầu.

Khi lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà H xác định hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Bà H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị H chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0020522 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú. Bà H đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án, ông Vòng Chí T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- UBND P. P, quận T
- Lưu VP, hồ sơ (Dương)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm